



BẢN TIN PHÁP LUẬT

SỐ 12 | THÁNG 12 NĂM 2020

NỘI DUNG CHÍNH

✚ TIN ĐÁNG CHÚ Ý

1. Một số điểm mới đáng chú ý của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.
2. Quy định mới về tuổi nghỉ hưu.
3. Quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính với tổ chức kinh doanh chứng khoán.
4. Quy định về Danh mục nghề nghiệp Việt Nam.
5. Hướng dẫn thực hiện hiệp định EVFTA về phòng vệ thương mại

✚ BÀI VIẾT

Kinh tế chia sẻ – Cách mạng kinh tế bốn chấm hay kinh doanh tận thu trên lưng người lao động?

✚ ĐỌC BÁO GIÚP BẠN

1. Tết Nguyên đán Tân Sửu được nghỉ 7 ngày.
2. Kiến nghị bỏ quy định đánh thuế cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng.

✚ GIẢI ĐÁP VƯỚNG MẮC

1. Kê khai thuế thu nhập cá nhân và hạch toán thuế giá trị gia tăng.
2. Cách tính thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm dầu mỡ nhờn.
3. Thuế giá trị gia tăng trong trường hợp khách hàng bán lại số đêm nghỉ dưỡng cho Công ty.
4. Nhập khẩu dây vàng để sản xuất linh kiện điện tử.

✚ DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

1. Một số điểm mới đáng chú ý của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Ngày 13/11/2020, Quốc hội thông qua Luật số 69/2020/QH14 sửa đổi Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (“**Luật số 69**”) với 8 chương, 74 điều. Luật số 69 sẽ có hiệu lực vào ngày 01/01/2022 và thay thế Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 72/2006/QH11 và có một số điểm mới đáng chú ý sau đây:

1.1. 7 công việc không được sử dụng lao động Việt Nam ở nước ngoài

Khoản 12 Điều 7 của Luật số 69 nghiêm cấm người lao động Việt Nam hoặc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài đối với 7 công việc sau:

- (1) Công việc mát-xa tại nhà hàng, khách sạn hoặc trung tâm giải trí.
- (2) Công việc phải tiếp xúc thường xuyên với chất nổ; chất độc hại trong luyện quặng kim loại màu (đồng, chì, thủy ngân, bạc, kẽm); tiếp xúc thường xuyên với măng-gan, đi-ô-xít thủy ngân.
- (3) Công việc tiếp xúc với nguồn phóng xạ hồ, khai thác quặng phóng xạ các loại.
- (4) Công việc sản xuất, bao gói phải tiếp xúc thường xuyên với hóa chất axit ni-tơ-ric, na-to-ri xun-phát, đi-xun-phua các-bon hoặc thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, thuốc

- diệt chuột, thuốc sát trùng, thuốc chống mối mọt có độc tính mạnh.
- (5) Công việc săn bắt thú dữ, cá sấu, cá mập.
- (6) Công việc thường xuyên ở nơi thiếu không khí, áp suất lớn (dưới lòng đất, lòng đại dương).
- (7) Công việc liệm, mai táng tử thi, thiêu xác chết, bốc mả mả.

1.2. Những khu vực nghiêm cấm người lao động đi làm việc ở nước ngoài

Khoản 13 Điều 7 của Luật số 69 quy định người lao động đi làm việc ở nước ngoài không được làm việc ở những khu vực sau đây:

- (1) Khu vực đang có chiến sự hoặc đang có nguy cơ xảy ra chiến sự.
- (2) Khu vực đang bị nhiễm xạ.
- (3) Khu vực bị nhiễm độc.
- (4) Khu vực đang có dịch bệnh đặc biệt nguy hiểm.

1.3. Các hành vi bị nghiêm cấm khi đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài

Điều 7 của Luật số 69 bổ sung các hành vi sau đây bị nghiêm cấm khi đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:

- Lôi kéo, dụ dỗ, hứa hẹn, quảng cáo, cung cấp thông tin gian dối

hoặc dùng thủ đoạn khác để lừa đảo người lao động; lợi dụng hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài để tổ chức xuất cảnh trái phép, mua bán người, bóc lột, cưỡng bức lao động hoặc thực hiện hành vi trái pháp luật.

- Hỗ trợ người lao động hoặc trực tiếp làm thủ tục để người lao động đi làm việc ở nước ngoài khi chưa

được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Phân biệt đối xử; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động; cưỡng bức lao động.
- Thu tiền môi giới của người lao động.
- Thu tiền dịch vụ của người lao động không đúng quy định.
- Áp dụng biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khác ngoài ký quỹ và bảo lãnh quy định.

- Đi làm việc ở nước ngoài hoặc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng mà vi phạm đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của người lao động và cộng đồng hoặc không được nước tiếp nhận lao động cho phép.
- Sử dụng Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước không đúng quy định của pháp luật

1.4. Người lao động đi làm việc ở nước ngoài không phải đóng bảo hiểm xã hội và thuế thu nhập cá nhân 2 lần

Theo đó, điểm g khoản 1 Điều 6 của Luật số 69 quy định người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng không phải đóng bảo hiểm xã hội hoặc thuế thu nhập cá nhân hai lần ở Việt Nam và ở nước tiếp nhận lao động nếu Việt Nam và nước đó đã ký hiệp định về bảo hiểm xã hội hoặc hiệp định tránh đánh thuế hai lần.

1.6. Điều kiện để doanh nghiệp được cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Theo khoản 1 Điều 10 của Luật số 69, doanh nghiệp được cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có vốn điều lệ từ 5 tỷ đồng trở lên; có chủ sở hữu, tất cả thành viên, cổ đông là nhà đầu tư trong nước theo quy định của Luật Đầu tư;
- Đã ký quỹ theo quy định;

1.5. Người lao động được đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu bị ngược đãi, quấy rối tình dục

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 6 của Luật số 69, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng khi bị người sử dụng lao động ngược đãi, cưỡng bức lao động hoặc có nguy cơ rõ ràng đe dọa trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe hoặc bị quấy rối tình dục trong thời gian làm việc ở nước ngoài.

- Có người đại diện theo pháp luật là công dân Việt Nam, trình độ từ đại học trở lên và có ít nhất 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng hoặc dịch vụ việc làm;
- Có đủ số lượng nhân viên nghiệp vụ thực hiện các nội dung hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;
- Có cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu giáo dục định hướng cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; và
- Có trang thông tin điện tử.

1.7 Quy định cụ thể mức trần tiền dịch vụ

Khoản 4 Điều 23 của Luật số 69 quy định cụ thể mức trần tiền dịch vụ mà doanh nghiệp dịch vụ được phép thu từ người lao động như sau:

- Không quá 1 tháng tiền lương của người lao động theo hợp đồng cho mỗi 12 tháng làm việc. Đối với sỹ quan và thuyền viên làm việc trên tàu vận tải biển, mức trần là không quá 1,5 tháng tiền lương cho mỗi 12 tháng làm việc.
- Trường hợp thỏa thuận trong hợp đồng đưa người lao động Việt

Nam đi làm việc ở nước ngoài từ 36 tháng trở lên thì tiền dịch vụ không được quá 3 tháng tiền lương của người lao động.

- Trường hợp có thỏa thuận về việc thu tiền dịch vụ cho thời gian gia hạn hợp đồng, thì mức tiền dịch vụ tối đa cho mỗi 12 tháng gia hạn làm việc không quá 0,5 tháng tiền lương của người lao động.
- Đối với một số thị trường, ngành, nghề, công việc cụ thể, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức trần tiền dịch vụ thấp hơn các quy định trên.

2. Quy định mới về tuổi nghỉ hưu

Ngày 18/11/2020, Chính phủ ban hành Nghị định 135/2020/NĐ-CP (“**Nghị định 135**”) quy định về tuổi nghỉ hưu. Theo đó, Nghị định 135 quy định về thời điểm nghỉ hưu và tuổi nghỉ hưu của người lao động kể từ ngày 01/01/2021 như sau:

❖ Về thời điểm nghỉ hưu

- Thời điểm nghỉ hưu là kết thúc ngày cuối cùng của tháng đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.
- Đối với trường hợp người lao động tiếp tục làm việc sau khi đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định thì thời điểm nghỉ hưu là thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động.
- Trường hợp hồ sơ của người lao động không xác định được ngày, tháng sinh mà chỉ có năm sinh thì lấy ngày 01 tháng 01 của năm sinh để làm căn cứ xác định thời điểm nghỉ hưu.

❖ Về tuổi nghỉ hưu

Trường hợp nghỉ hưu	Điều kiện	
Tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường (khoản 1 Điều 4 của Nghị định 135)	Lao động nam	Đủ 60 tuổi 3 tháng, sau đó cứ mỗi năm tăng thêm 3 tháng cho đến khi đủ 62 tuổi vào năm 2028.
	Lao động nữ	Đủ 55 tuổi 4 tháng, sau đó cứ mỗi năm tăng thêm 4 tháng cho đến khi đủ 60 tuổi vào năm 2035.

<p>Nghỉ hưu ở tuổi thấp hơn tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường (khoản 1 Điều 5 của Nghị định 135)</p>	<p>Người lao động được nghỉ hưu trước 5 tuổi so với tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Có từ đủ 15 năm trở lên làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành. ▪ Có từ đủ 15 năm trở lên làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên trước ngày 01/01/2021. ▪ Bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên. ▪ Có tổng thời gian làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và thời gian làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ đủ 15 năm trở lên.
<p>Nghỉ hưu ở tuổi cao hơn tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường (khoản 1 Điều 6 của Nghị định 135)</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Khi thỏa thuận với người sử dụng lao động tiếp tục làm việc sau tuổi nghỉ hưu. ▪ Việc chấm dứt hợp đồng lao động và giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động đã thực hiện theo quy định.

3. Quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính với tổ chức kinh doanh chứng khoán

Ngày 13/11/2020, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 91/2020/TT-BTC (“**Thông tư 91**”) quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Trong đó, đáng lưu ý là quy định về chế độ báo cáo về tỷ lệ vốn khả dụng và các trường hợp tổ chức kinh doanh chứng khoán bị đặt vào tình trạng cảnh báo, kiểm soát và kiểm soát đặc biệt.

❖ Chế độ báo cáo về tỷ lệ vốn khả dụng

Theo quy định tại Điều 12 của Thông tư 91, chế độ báo cáo về tỷ lệ vốn khả dụng của tổ chức kinh doanh chứng khoán (TCKDCK) được thực hiện như sau:

- Định kỳ hàng tháng, TCKDCK phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc tháng; đồng thời phải công bố báo cáo trên trang thông tin điện tử của TCKDCK tại ngày 30/6 và 31/12 theo mẫu quy định sau khi đã được soát xét, kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.
- Đặc biệt, nếu tỷ lệ vốn khả dụng xuống dưới 180%, TCKDCK phải thực hiện chế độ báo cáo bất thường với UBCKNN với tần suất 1 tháng 2 lần (dữ liệu tại ngày 15 và 30 hàng tháng) trong vòng 3 ngày làm việc sau ngày 15 và 30 hàng tháng.
- Nếu tỷ lệ vốn khả dụng xuống dưới 150%, TCKDCK phải báo cáo UBCKNN tần suất 1 tuần 1 lần, trước 16 giờ ngày thứ 6 hàng tuần. Còn nếu tỷ lệ vốn khả dụng

TIN ĐÁNG CHÚ Ý

giảm xuống dưới 120%, TCKDCK phải báo cáo UBCKNN tỷ lệ vốn khả dụng hàng ngày trước 16 giờ.

- TCKDCK được thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định khi tỷ lệ vốn khả dụng đạt và vượt 180% của các kỳ báo cáo trong 3 tháng liên tục.
- Các báo cáo của TCKDCK gửi UBCKNN phải được gửi bằng tệp thông tin điện tử qua hệ thống cơ sở dữ liệu.

❖ **Các trường hợp tổ chức kinh doanh chứng khoán bị đặt vào tình trạng cảnh báo, kiểm soát và kiểm soát đặc biệt**

Tình trạng	Cảnh báo (Điều 13 của Thông tư 91)	Kiểm soát (Điều 14 của Thông tư 91)	Kiểm soát đặc biệt (Điều 16 của Thông tư 91)
Trường hợp	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tỷ lệ vốn khả dụng từ 150% đến dưới 180% trong tất cả các kỳ báo cáo trong 3 tháng liên tục; hoặc ▪ Tỷ lệ vốn khả dụng được chấp thuận từ 150% đến dưới 180% (đã được soát xét hoặc được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán); hoặc ▪ Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính mà tổ chức kiểm toán được chấp thuận đưa ra ý kiến không chấp thuận (hoặc ý kiến trái ngược), từ chối đưa ra ý kiến (hoặc không thể đưa ra ý kiến), ý kiến ngoại trừ một số chỉ tiêu của báo cáo này mà nếu trừ các ảnh hưởng ngoại trừ ra khỏi vốn khả dụng sẽ dẫn tới tỷ lệ vốn khả dụng từ 150% đến dưới 180%. 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tỷ lệ vốn khả dụng từ 120% đến dưới 150% trong tất cả các kỳ báo cáo trong 3 tháng liên tục; hoặc ▪ Tỷ lệ vốn khả dụng được chấp thuận từ 120% đến dưới 150% (đã được soát xét hoặc được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán); hoặc ▪ Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính mà tổ chức kiểm toán được chấp thuận đưa ra ý kiến không chấp thuận (hoặc ý kiến trái ngược), từ chối đưa ra ý kiến (hoặc không thể đưa ra ý kiến), ý kiến ngoại trừ một số chỉ tiêu của báo cáo này mà nếu trừ các ảnh hưởng ngoại trừ ra khỏi vốn khả dụng sẽ dẫn tới tỷ lệ vốn khả 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tỷ lệ vốn khả dụng do công ty tự tính hoặc đã được soát xét, kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận dưới 120%; hoặc ▪ Không khắc phục được tình trạng kiểm soát trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày TCKDCK bị đặt vào tình trạng kiểm soát. ▪ Không thực hiện báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong 2 kỳ báo cáo liên tiếp, hoặc không thực hiện kiểm toán hoặc soát xét báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính hoặc không công bố thông tin về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được soát xét, kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo quy định. ▪ Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính mà tổ chức kiểm toán được chấp thuận đưa ra ý kiến không chấp nhận (hoặc ý kiến trái ngược), từ chối đưa ra ý kiến (hoặc không thể đưa ra ý kiến), ý kiến

		dụng từ 120% đến dưới 150%.	ngoại trừ một số các chỉ tiêu của báo cáo này mà nếu trừ các ảnh hưởng ngoại trừ ra khỏi vốn khả dụng dẫn tới tỷ lệ vốn khả dụng dưới 120%.
Thời hạn cảnh báo, kiểm soát	<ul style="list-style-type: none"> Từ ngày TCKDCK bị đặt vào tình trạng cảnh báo cho đến ngày UBCKNN có quyết định đưa TCKDCK ra khỏi tình trạng cảnh báo. 	<ul style="list-style-type: none"> Không quá 12 tháng, kể từ ngày TCKDCK bị đặt vào tình trạng kiểm soát. 	<ul style="list-style-type: none"> Không quá 4 tháng, kể từ ngày TCKDCK bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt.
Được đưa ra khỏi tình trạng cảnh báo, kiểm soát	<ul style="list-style-type: none"> Khi tỷ lệ vốn khả dụng đạt từ 180% trở lên trong 3 tháng liên tục. Trong đó, tỷ lệ vốn khả dụng tại kỳ báo cáo cuối cùng phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và TCKDCK có báo cáo UBCKNN về việc khắc phục tình trạng cảnh báo. 	<ul style="list-style-type: none"> Khi tỷ lệ vốn khả dụng đạt từ 180% trở lên trong 3 tháng liên tục. Trong đó, tỷ lệ vốn khả dụng tại kỳ báo cáo cuối cùng phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và TCKDCK có báo cáo UBCKNN về việc khắc phục tình trạng kiểm soát. 	<ul style="list-style-type: none"> Khi tỷ lệ vốn khả dụng đạt từ 180% trở lên 3 tháng liên tục. Trong đó, tỷ lệ vốn khả dụng tại kỳ báo cáo cuối cùng phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và TCKDCK có báo cáo UBCKNN về việc khắc phục tình trạng kiểm soát đặc biệt.
<p>CKNN ra quyết định đặt TCKDCK vào tình trạng cảnh báo, tình trạng kiểm soát hoặc kiểm soát đặc biệt và phải công bố thông tin này trong vòng 24 giờ kể từ khi ban hành quyết định trên trang thông tin điện tử UBCKNN. TCKDCK cũng phải công bố thông tin về quyết định này trên trang thông tin điện tử của tổ chức mình.</p>			

Thông tư 91 sẽ có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 và thay thế Thông tư số 87/2017/TT-BTC.

4. Quy định về Danh mục nghề nghiệp Việt Nam

Ngày 26/11/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg (“Quyết định 34”) về Danh mục nghề nghiệp Việt Nam được sử dụng trong công tác thống kê về lao động Việt Nam và làm cơ sở để quản lý lao động theo nghề. Quyết định 34 sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/01/2021.

Theo đó, Quyết định 34 quy định Danh mục nghề nghiệp Việt Nam gồm 5 cấp:

- Cấp 1: Cấp độ kỹ năng (thể hiện độ khó, độ phức tạp trong việc thực hiện công việc). Trong đó có 10 nhóm nghề cấp 1 là: (1) Lãnh đạo quản lý trong các ngành, các cấp và đơn vị; (2) Nhà chuyên môn bậc cao; (3) Nhà chuyên môn bậc trung; (4) Nhân viên trợ lý văn phòng; (5) Nhân viên dịch vụ bán hàng; (6) Lao động có kỹ năng trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; (7) Lao động thủ công và các nghề nghiệp có liên quan khác; (8) thợ lắp ráp và vận hành máy móc, thiết bị; (9) Lao động giản đơn; và (10) Lực lượng vũ trang.
- Cấp 2 đến cấp 5: Lĩnh vực chuyên môn (gồm các chuyên môn tương ứng với lĩnh vực chuyên môn được đào tạo hoặc do kinh nghiệm có được trong thực hiện công việc).

Quyết định 34 cũng giải thích rõ các nghề, bao gồm: mô tả chung, nhiệm vụ chủ yếu, ví dụ, loại trừ. Ví dụ tiêu biểu như nhóm nghề “Kỹ thuật viên hệ thống và mạng máy tính” được giải thích như sau:

- Mô tả chung: Kỹ thuật viên hệ thống và mạng máy tính thiết lập, vận hành, duy trì mạng và các hệ thống truyền dữ liệu khác.
- Nhiệm vụ chủ yếu gồm:
 - ✓ Vận hành, bảo trì và xử lý sự cố các hệ thống mạng.
 - ✓ Vận hành và bảo trì các hệ thống truyền thông dữ liệu khác ngoài mạng.
 - ✓ Hỗ trợ người sử dụng giải quyết các vấn đề về mạng và truyền dữ liệu.
 - ✓ Xác định các khu vực cần nâng cấp thiết bị và phần mềm.
 - ✓ Cài đặt phần cứng máy tính, phần mềm mạng, phần mềm hệ điều hành và các phần mềm ứng dụng.
 - ✓ Thực hiện các hoạt động từ khởi động đến đóng chương trình cũng như việc sao lưu và phục hồi sự cố.
- Ví dụ các nghề được phân loại gồm: Kỹ thuật viên mạng máy tính; Kỹ thuật viên hỗ trợ mạng.
- Loại trừ: Nhà quản trị mạng (2522); Nhà phân tích mạng (2523); Kỹ thuật viên điều hành máy tính (3511); Kỹ thuật viên trang web (3514)

5. Hướng dẫn thực hiện hiệp định EVFTA về phòng vệ thương mại

Ngày 26/11/2020, Bộ Công Thương ban hành Thông tư 30/2020/TT-BCT (“**Thông tư 30**”) hướng dẫn thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) về phòng vệ thương mại được áp dụng đối với hàng hóa xuất xứ từ lãnh thổ thành viên Liên minh châu Âu, Vương quốc Liên hiệp Anh, Bắc Ai-len, Công quốc An-đô-ra và Cộng hòa San Ma-ri-nô. Thông tư 30 sẽ có hiệu lực từ ngày 11/01/2021 và áp dụng 2 biện pháp phòng vệ thương mại như sau:

5.1 Biện pháp chống bán phá và chống trợ cấp

Theo quy định tại Điều 5 của Thông tư 30, thuế chống bán phá giá hoặc thuế chống trợ cấp không được cao hơn biên độ phá giá hoặc mức trợ cấp. Căn cứ vào kết luận của Cơ quan điều tra, Bộ Công Thương sẽ xem xét áp dụng mức thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp thấp hơn biên độ phá giá hoặc mức trợ cấp nếu mức thuế thấp hơn này đủ để loại bỏ thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước.

5.2 Biện pháp tự vệ song phương

Theo Điều 9 của Thông tư 30, việc điều tra, áp dụng biện pháp tự vệ song phương được quy định như sau:

- Thời hạn điều tra áp dụng biện pháp tự vệ song phương là 1 năm kể từ ngày Quyết định điều tra được ban hành.
- Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định về việc áp dụng biện pháp tự vệ song phương khi kết luận điều tra của Cơ quan điều tra có các nội dung sau đây:
 - ✓ Có sự gia tăng nhập khẩu tuyệt đối hoặc tương đối của hàng hoá nhập khẩu được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định so với khối lượng, số lượng của hàng hóa tương tự và hàng hóa cạnh tranh trực tiếp được sản xuất trong nước.
 - ✓ Ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại nghiêm trọng hoặc bị đe dọa thiệt hại nghiêm trọng.
 - ✓ Việc gia tăng nhập khẩu quy định tại điểm a khoản này là nguyên nhân gây ra thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng đối với ngành sản xuất trong nước.
- Biện pháp tự vệ song phương được áp dụng gồm:
 - ✓ Đình chỉ việc tiếp tục giảm thuế suất thuế nhập khẩu theo quy định của Hiệp định; hoặc
 - ✓ Tăng thuế suất thuế nhập khẩu đối với hàng hóa đó nhưng không vượt quá thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi có hiệu lực tại thời điểm áp dụng biện pháp này hoặc thuế suất thuế nhập khẩu cơ sở quy định tại các biểu thuế.
- Thời hạn áp dụng biện pháp tự vệ song phương tối đa là 2 năm. Trong trường hợp Cơ quan điều tra kết luận rằng cần tiếp tục áp dụng biện pháp tự vệ song phương để ngăn chặn hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng và tạo thuận lợi cho việc điều chỉnh của ngành sản xuất trong nước, thời hạn áp dụng có thể được kéo dài thêm tối đa 2 năm.
- Trong trường hợp thời hạn áp dụng biện pháp tự vệ song phương dài hơn 2 năm, biện pháp tự vệ song phương phải được nói lỏng dần trong suốt quá trình áp dụng biện pháp.
- Sau khi hết thời hạn áp dụng biện pháp tự vệ song phương, mức thuế nhập khẩu áp dụng cho hàng hóa liên quan thực hiện theo quy định của Hiệp định có hiệu lực tại thời điểm chấm dứt áp dụng biện pháp tự vệ song phương đó.

GV Lawyers xin giới thiệu bài viết của Luật sư **Trần Hữu Tiến** có tiêu đề: **“Kinh tế chia sẻ – Cách mạng kinh tế bốn chấm hay kinh doanh tận thu trên lưng người lao động?”** được đăng trên Luật sư Việt Nam Online ngày 10/12/2020.

Kinh tế chia sẻ...

Việt Nam là một trong những quốc gia đi đầu tại Đông Nam Á cho phép thí điểm và triển khai mô hình “hợp tác với đối tác kinh doanh” mà nhiều hãng công nghệ hiện nay đang áp dụng. Đây được xem minh họa điển hình của khái niệm “kinh tế hợp tác” hay “kinh tế chia sẻ”, là những thuật ngữ được sử dụng phổ biến trong một vài năm trở lại đây để nói về mô hình kinh doanh trong đó tận dụng lợi thế của phát triển công nghệ số, giúp tiết kiệm chi phí giao dịch và tiếp cận một số lượng lớn khách hàng thông qua các nền tảng số. Hiểu đơn giản, đây là mô hình trong đó bên vận hành hệ thống số, tìm kiếm và đưa khách hàng đến cho đối tác cá nhân. Ngược lại, đối tác sẽ đóng vai trò thực hiện dịch vụ (như vận chuyển hành khách, giao hàng). Doanh thu được phân chia theo thỏa thuận.

Từ bản chất và hiệu quả kinh tế đem lại, “Kinh tế chia sẻ” theo đó là sự thể hiện và đồng thời là động lực thúc đẩy Cách mạng công nghiệp 4.0 diễn ra mạnh mẽ tại Việt Nam cũng như trong khu vực, giúp thay đổi phương thức hoạt động kinh doanh từ thủ công sang ứng dụng công nghệ. Không thể phủ nhận rằng “Kinh tế chia sẻ” giúp thúc đẩy kinh tế, nâng cao sự cạnh tranh và sức sáng tạo trong thị trường. Mô hình này cũng được cho là có lợi khi giúp bên cung

cấp nền tảng và bên đối tác hợp tác cùng phát triển. Tuy nhiên, thực tế có đúng như vậy?

... nhưng có thực sự sẻ chia?

Gần đây, một chính sách thuế vừa được thông qua đã khiến dư luận quan tâm, đặc biệt là những người tham gia vào những mô hình kinh doanh hợp tác với các đơn vị cung cấp nền tảng công nghệ kết nối khách hàng – người cung cấp dịch vụ như Grab, Now, Gojek, ... vốn là bên có quyền lợi chịu ảnh hưởng trực tiếp. Cụ thể, chính sách thuế mới theo Nghị định



126/2020/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 05/12/2020 xác định tất cả các hãng cung cấp nền tảng công nghệ kết nối khách hàng – người cung cấp dịch vụ sẽ phải thực hiện

kê khai và thu hộ thuế GTGT trên toàn bộ doanh thu với mức thuế thu hộ là 10% (tăng lên đáng kể so với mức 3% như trước đây).

Gần như ngay lập tức, nhiều hãng công nghệ đã nhanh chân bước ra ngoài câu chuyện tăng thuế bằng việc công bố bảng phí dịch vụ mới được tăng tương ứng. Tỷ lệ chia sẻ doanh thu cho người hợp tác theo đó bị điều chỉnh giảm xuống đáng kể. Thuế tăng, phí tăng, mặc định người tiêu dùng phải xem xét lại sự lựa chọn sử dụng dịch vụ. Nguồn cung giảm, tỷ lệ hưởng giảm,

gánh nặng không đâu khác được đẩy lên vai các “đối tác kinh doanh” của những hãng này.

Xét về khía cạnh kinh tế, dù rằng chính bản thân các hãng công nghệ cũng tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ cho khách hàng (với tư cách là bên điều hành), những bên này lại không phải san sẻ bất kỳ thiệt hại nào từ việc thay đổi chính sách. Đây chỉ là một trong nhiều ví dụ về thực trạng của một nền “Kinh tế chia sẻ” hiện nay tại Việt Nam, nửa vùi và bất bình đẳng, mà trong đó người lao động, được mang danh xưng “đối tác”, nhưng chịu nhiều bất lợi.

Nhiều hãng công nghệ, trong đó có những công ty đa quốc gia, vốn đã có “kỹ thuật” đối với mô hình hợp tác kinh doanh này khéo léo tận dụng những điểm mờ của pháp luật để mở ra và phát triển cơ hội kiếm lợi nhuận. Gọi người lao động là “đối tác”, các hãng công nghệ mặc nhiên loại bỏ sự quan tâm đến nhiều khoản chi phí như tiền lương cơ bản, bảo hiểm xã hội và các phúc lợi khác cho nhân công. Mặt khác, nhờ giá thành hợp lý do chi phí vận hành được tiêu giảm bớt khi áp dụng “Kinh tế chia sẻ”, các hãng công nghệ nhanh chóng có được thị phần rộng lớn, cạnh tranh trực tiếp và thậm chí áp đảo những doanh nghiệp truyền thống.

Với lợi thế đó, những hãng này cũng giành luôn quyền quyết định tất cả các chính sách dịch vụ cung cấp đến người dùng, kể cả bảng giá và tỷ lệ chia sẻ, dù cá nhân các “đối tác kinh doanh” mới là chủ thể cung cấp dịch vụ đích thực. Thông qua ma trận thỏa thuận, hợp đồng, điều khoản mà các “đối tác”, đôi khi là những lao động phổ thông không thể hiểu được hết, nhiều hãng

đã nhanh chóng chiếm lấy quyền làm chủ cuộc chơi. Theo lý lẽ của các hãng này, pháp luật công nhận quan hệ hợp tác kinh doanh dựa trên sự thỏa thuận của các bên tham gia, miễn là không trái đạo đức, pháp luật. Nghe thì có vẻ đúng, nhưng...

Người lao động, không lương cố định, không bảo hiểm, không phúc lợi, không có tiếng nói và không có sự bảo vệ, rõ ràng đang phải cam chịu lép vế trong một mối quan hệ chia sẻ nhưng không có sự “chia sẻ” từ chính đối tác của mình.

Khoan bàn về các quy định pháp luật hiện hành (bao gồm cả chính sách thuế vừa được ban hành), vốn đã có nhiều tranh cãi về thẩm quyền hướng dẫn, tính hợp lý và sự rõ ràng về mối quan hệ giữa các hãng công nghệ và “đối tác kinh doanh”, Việt Nam rõ ràng đang thiếu, một cách toàn diện, một cơ chế pháp lý điều chỉnh quan hệ “Kinh tế chia sẻ” giữa các hãng công nghệ và “đối tác kinh doanh”. Vì lý do này, các cơ quan ban ngành Nhà nước thường rất lúng túng và bị động trong công tác quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực mới mà không mới này, và quan trọng hơn, không có được công cụ để bảo vệ quyền lợi của người lao động khi cần thiết.

Người lao động luôn là bên yếu thế hơn trong mối quan hệ làm việc. Người lao động trong nền “Kinh tế chia sẻ” còn dễ tổn thương hơn khi phải đầu tư tiền bạc vào phương tiện, công cụ để có điều kiện tham gia vào quan hệ hợp tác với các hãng công nghệ, thậm chí là vay nợ. Pháp luật Việt Nam tôn trọng sự thỏa thuận và tự nguyện của các bên tham gia giao dịch. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa rằng chúng ta nên cho phép tự do hóa một cách thái quá

những khái niệm, cấu trúc kinh doanh không bình đẳng mà về lâu về dài có thể ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động. Bên cạnh đó, rõ ràng các hãng công nghệ, với “Kinh tế chia sẻ”, đang có được những ưu thế vô cùng lớn trong cuộc chơi thị trường, giá sản phẩm nhưng lại đang tìm cách đẩy gánh nặng lên người lao động. Vấn đề bảo đảm cạnh tranh – lợi ích công bằng cũng nên được quan tâm để người lao động có nhiều sự lựa chọn hơn trong việc tìm được đối tác thực sự phù hợp.

Tại Việt Nam, Bộ luật Lao động 2019 sắp có hiệu lực đã đưa ra những quy định mang

tính cải cách, góp phần xóa nhòa ranh giới quan hệ hợp tác/dịch vụ giữa cá nhân và doanh nghiệp và quan hệ lao động. Trên thế giới, một số Tòa án và cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cũng đã xác định các hãng công nghệ cung cấp nền tảng kết nối chính là chủ sử dụng lao động. Chúng ta theo đó cũng trông đợi những hướng dẫn cụ thể và rõ nét hơn của các nhà làm luật Việt Nam về “Kinh tế chia sẻ”, đặc biệt trong bối cảnh các văn bản luật quan trọng về đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam như Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Đầu tư 2020 sẽ có hiệu lực từ tháng 01/2021.

1. Tết Nguyên đán Tân Sửu được nghỉ 7 ngày

Thủ tướng vừa đồng ý với lịch nghỉ Tết Nguyên đán Tân Sửu 7 ngày, do Bộ Lao động, thương binh và xã hội đề xuất. Theo đó, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động nghỉ liên tục 7 ngày, từ ngày 10/02/2021 đến hết ngày 16/02/2021 dương lịch (tức ngày 29 tháng chạp năm Canh Tý đến mùng 5 tháng giêng năm Tân Sửu). Trong đó, mùng 4 và mùng 5 tết âm lịch (tức ngày 15 – 16/02/2021 dương lịch) là ngày nghỉ bù cho thứ bảy và chủ nhật.

THÁNG 2/2021						
T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN
1 _{20/12}	2 ₂₁	3 ₂₂	4 ₂₃	5 ₂₄	6 ₂₅	7 ₂₆
8 ₂₇	9 ₂₈	10 ₂₉	11 ₃₀	12 _{1/1}	13 ₂	14 ₃
15 ₄	16 ₅	17 ₆	18 ₇	19 ₈	20 ₉	21 ₁₀
22 ₁₁	23 ₁₂	24 ₁₃	25 ₁₄	26 ₁₅	27 ₁₆	28 ₁₇

Thủ tướng cũng đồng ý phương án nghỉ lễ Quốc khánh năm 2021 sẽ bổ sung 1 ngày nghỉ liền kề sau ngày 2/9. Như vậy, dịp nghỉ lễ Quốc khánh, công chức, viên chức được nghỉ 4 ngày từ thứ năm 2/9 đến chủ nhật 5/9; trong đó 2 ngày nghỉ lễ dịp Quốc khánh và 2 ngày nghỉ hằng tuần.

Theo Chí Hiếu, thannien.vn

2. Kiến nghị bỏ quy định đánh thuế cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng

Hiệp hội Các Nhà Đầu tư Tài chính VN (Vafi) mới có công văn kiến nghị lên Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính chưa đánh thuế trả cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng.

Không nhận đồng tiền mặt nào cũng bị đánh thuế?

Vafi cùng Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán, Câu lạc bộ các Công ty Quản lý Quỹ, Câu lạc bộ các Công ty Niêm yết đề xuất với Thủ tướng Chính phủ và Bộ Trưởng Bộ Tài chính chưa nên áp dụng đánh thuế hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng. Theo phân tích của các hiệp hội, bản chất của trả cổ tức bằng cổ phiếu và trả cổ phiếu thưởng cho nhà đầu tư chứng khoán không làm thay đổi vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp (tại thời điểm chia), không làm giảm lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp, không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông, tất cả cổ đông công ty không nhận 1 đồng tiền mặt nào như hình thức chia cổ tức bằng tiền mặt. Tại thời điểm chia tách qui định phải giảm giá trị thị trường cổ phiếu theo tỷ lệ chia tách và về nguyên tắc thì giá trị cổ phiếu của cổ đông không thay đổi. Trả cổ tức bằng cổ phiếu hay trả cổ phiếu thưởng không phải là hình thức phân phối lợi nhuận sau thuế như việc phân phối lợi nhuận sau thuế để trả tiền thưởng cho người lao động, cho ban quản lý hay sử dụng 1 phần lợi nhuận sau thuế để

phân phối cổ tức tiền mặt cho cổ đông hiện hữu. Các doanh nghiệp xem xét kỹ việc trả cổ tức bằng cổ phiếu hay cổ phiếu thưởng bởi càng tăng vốn điều lệ thì trong tương lai càng phải dành nhiều lợi nhuận hơn để trả cổ tức bằng tiền mặt.

Hình thức chia cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng là hình thức huy động vốn. Doanh nghiệp cần huy động vốn lớn để đầu tư mở rộng sản xuất, để tăng tiềm lực tài chính, xử lý nợ xấu đang rất cần hình thức này, chẳng hạn như khối các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước. Giá cổ phiếu giảm sau khi nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng có được gọi là thu nhập từ đầu tư vốn để đánh thuế 5% bên cạnh mức thuế 0,1% trên giá trị chuyển nhượng mà nhà đầu tư phải nộp khi bán cổ phiếu. Việc đánh thuế cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng sẽ làm nhà đầu tư giảm bớt nhiệt tình với hình thức này vì sợ thiệt đơn thiệt kép, đã thua lỗ do giá cổ phiếu giảm và bị đánh thuế lớn. Từ đó nhà đầu tư yêu cầu doanh nghiệp chia cổ tức bằng tiền mặt nhiều hơn, hạn chế hình thức trả bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, làm cản trở cơ chế huy động vốn hàng năm và thường xuyên của các doanh nghiệp, hệ thống ngân hàng nội địa trong nước sẽ gặp khó khăn khi đang cần giữ lại nhiều lợi nhuận sau thuế để xử lý nợ xấu và các ngân hàng cũng sẽ gặp khó khăn với bài toán giảm lãi suất huy động và lãi suất cho vay.

Thuế hợp lý để gọi vốn nhàn rỗi

Các hiệp hội cho rằng chủ trương miễn giảm thuế cho doanh nghiệp có hoạt động tái đầu tư mở rộng sản xuất đã có từ lâu, đây chủ trương rất đúng đắn để khuyến khích phát triển sản xuất, cho nên không nên đánh thuế cổ tức và cổ phiếu thưởng để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp được huy động vốn thường xuyên từ thị trường chứng khoán.

Singapore trở thành Trung tâm tài chính của Châu Á và thế giới, có rất nhiều lý do nhưng các loại thuế chứng khoán của họ thấp và hấp dẫn hơn VN như họ không có thuế đánh vào hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng, không đánh thuế vào các giao dịch chuyển nhượng chứng khoán. Các nước phát triển như Anh, Mỹ, EU họ có chính sách miễn các loại thuế cổ tức cho người về hưu, vì họ quan niệm dòng vốn đầu tư vào thị trường chứng khoán là dòng vốn đầy rủi ro và mạo hiểm cho nên phải có chính sách hợp lý khuyến khích các dòng vốn nhàn rỗi vào thị trường chứng khoán và từ các dòng vốn nhỏ lẻ đó họ thành hàng triệu triệu dòng vốn làm cho hệ thống doanh nghiệp dễ dàng huy động được vốn và từ đó lãi suất cho vay sẽ rất rẻ.

Theo Thanh Xuân, thanhnien.vn

1. **Kê khai thuế thu nhập cá nhân và hạch toán thuế giá trị gia tăng** 2. **Cách tính thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm dầu mỡ nhờn.**

- Về thuế thu nhập cá nhân: Trường hợp Chi nhánh Công ty TNHH Samsung SDS tại Hà Nội có 4 nhân viên ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Samsung SDS Việt Nam, Công ty TNHH Samsung SDS Việt Nam chi trả lương và các khoản thu nhập từ tiền lương tiền công thì Công ty TNHH Samsung SDS Việt Nam khấu trừ, kê khai thuế thu nhập cá nhân đối với 4 nhân viên nêu trên tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp Công ty TNHH Samsung SDS.
- Về khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào: Chi nhánh Công ty TNHH Samsung SDS tại Hà Nội căn cứ thực tế hoạt động kinh doanh để thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính.

Cục thuế thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Chính nhánh Công ty TNHH Samsung SDS Việt Nam tại Hà Nội tại Công văn số 101316/CTHN-TTHT ngày 23/11/2020.

Trường hợp Công ty sản xuất nhiên liệu hỗn hợp chứa xăng, dầu, mỡ nhờn gốc hóa thạch và nhiên liệu sinh học thì Công ty tính thuế bảo vệ môi trường là số lượng hàng hóa tính thuế và mức thuế tuyệt đối theo quy định tại Điều 5 Thông tư 152/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011.

Trong đó:

- Số lượng hàng hóa tính thuế trong kỳ là số lượng xăng, dầu, mỡ nhờn gốc hóa thạch có trong số lượng nhiên liệu hỗn hợp nhập khẩu hoặc sản xuất bán ra, trao đổi, tặng cho, đưa vào tiêu dùng nội bộ được quy đổi ra đơn vị đo lường quy định tính thuế của hàng hóa tương ứng.
- Mức thuế tuyệt đối làm căn cứ tính thuế bảo vệ môi trường đối với từng hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường là mức thuế được quy định tại Biểu mức thuế bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 ngày 26/9/2018.

Cục thuế thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Công ty cổ phần Phát triển Phụ Gia và sản phẩm Dầu mỡ tại Công văn số 101320/CT-TTHT ngày 23/11/2020.

3. Thuế giá trị gia tăng trong trường hợp khách hàng bán lại số đêm nghỉ dưỡng cho Công ty

Trường hợp Công ty có phát sinh việc bán thẻ nghỉ dưỡng cho khách hàng có thời hạn 5 năm, mỗi năm khách hàng có quyền đặt phòng 07 đêm (hợp đồng quy định sản phẩm mua đứt bán đoạn, không trả lại), sau đó năm 2020 khách hàng chỉ sử dụng 02 đêm và bán lại cho Công ty 05 đêm với mức lợi nhuận 26% thì đây không phải hoạt động trả lại hàng nên Công ty không phải lập hóa đơn điều chỉnh. Việc kê khai, nộp thuế đối với hoạt động chuyển nhượng lại đêm nghỉ dưỡng thực hiện như sau:

- Trường hợp khách hàng là cá nhân thì khi bán lại đêm nghỉ dưỡng cho Công ty, cá nhân (có thể ủy quyền cho tổ chức kê khai thay) thực hiện kê khai nộp thuế thu nhập cá nhân theo từng lần phát sinh đối với hoạt động kinh doanh không thường xuyên, không có địa điểm kinh doanh cố định nếu tổng doanh thu kinh doanh trong năm dương lịch của cá nhân trên 100 triệu đồng theo quy định tại Điều 3, Điều 7 Thông tư 92/2015/TT-BTC.
- Trường hợp khách hàng là tổ chức, doanh nghiệp thì khi bán lại số đêm nghỉ dưỡng cho Công ty thì tổ chức, doanh nghiệp phải lập hóa đơn và kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.

Cục thuế thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Công ty CP tập đoàn Pcorp tại Công văn số 101315/CT-TTHT ngày 23/11/2020.

4. Nhập khẩu dây vàng để sản xuất linh kiện điện tử

- Việc nhập khẩu dây vàng về làm mạch dẫn điện trong quá trình sản xuất linh kiện điện tử của camera điện thoại di động của Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan đến việc nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất linh kiện điện tử.
- Định kỳ hàng quý (vào ngày 10 của tháng đầu quý tiếp theo), Công ty phải gửi cho ngân hàng nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối) báo cáo kèm tờ khai Hải quan của quý liền kề trước đó về tình hình nhập khẩu và sử dụng dây vàng của Công ty. Trường hợp Công ty không gửi báo cáo, ngân hàng nhà nước sẽ có văn bản phối hợp với Cơ quan Hải quan xử lý về vấn đề nhập khẩu dây vàng của Công ty.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trả lời vướng mắc của Công ty TNHH Power Logics Vina tại Công văn số 8352/NHNN-QLNH ngày 18/11/2020.

DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT BAN HÀNH TRONG THÁNG 11

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
QUỐC HỘI			
1	Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng của Quốc hội, số 69/2020/QH14.	13/11/2020	01/01/2022
CHÍNH PHỦ			
1	Nghị định 140/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 126/2017/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp Nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định 91/2015/NĐ-CP về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định 32/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 91/2015/NĐ-CP.	30/11/2020	30/11/2020
2	Nghị định 139/2020/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.	27/11/2020	15/01/2021
3	Nghị định 138/2020/NĐ-CP về việc quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.	27/11/2020	01/12/2020
4	Nghị định 137/2020/NĐ-CP về quản lý, sử dụng pháo.	27/11/2020	11/01/2021
5	Nghị định 136/2020/NĐ-CP về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.	24/11/2020	10/01/2021
6	Nghị định 135/2020/NĐ-CP quy định về tuổi nghỉ hưu.	18/11/2020	01/01/2021
7	Nghị định 134/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 84/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng.	15/11/2020	01/01/2021
8	Nghị định 133/2020/NĐ-CP về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi hành án hình sự.	09/11/2020	25/12/2020
9	Nghị định 132/2020/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.	05/11/2020	20/12/2020
10	Nghị định 131/2020/NĐ-CP về việc quy định về tổ chức, hoạt động được lâm sàng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.	02/11/2020	01/01/2021
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ			
1	Quyết định 34/2020/QĐ-TTg về ban hành Danh mục nghề nghiệp Việt Nam.	26/11/2020	15/01/2021
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ			
1	Thông tư 09/2020/TT-BKHĐT về việc quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hoá đối với gói thầu	27/11/2020	15/01/2021

Bản Tin Pháp Luật Số 12 | Tháng 12 năm 2020

	thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương.		
2	Thông tư 08/2020/TT-BKHĐT về hướng dẫn việc tiếp nhận tài trợ, đóng góp, nhận ủy thác của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.	13/11/2020	15/01/2021
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM			
1	Thông tư 15/2020/TT-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 26/2013/TT-NHNN ngày 05/12/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	20/11/2020	01/02/2021
2	Thông tư 14/2020/TT-NHNN về việc quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.	16/11/2020	01/01/2021
3	Thông tư 10/2020/TT-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 28/2015/TT-NHNN ngày 18/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước.	02/11/2020	01/01/2021
BỘ CÔNG THƯƠNG			
1	Thông tư 37/2020/TT-BCT về việc quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.	30/11/2020	14/01/2021
2	Thông tư 30/2020/TT-BCT về việc hướng dẫn thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu về phòng vệ thương mại.	26/11/2020	11/01/2021
BỘ Y TẾ			
1	Thông tư 21/2020/TT-BYT về việc hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đa khoa đối với bác sỹ y khoa.	30/11/2020	15/01/2021
BỘ TÀI CHÍNH			
1	Thông tư 96/2020/TT-BTC về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.	16/11/2020	01/01/2021
2	Thông tư 95/2020/TT-BTC về việc hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán.	16/11/2020	01/01/2021
3	Thông tư 91/2020/TT-BTC về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.	13/11/2020	01/01/2021
4	Thông tư 90/2020/TT-BTC về việc quy định các biểu mẫu sử dụng để xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.	11/11/2020	26/12/2020



GLOBAL VIETNAM
LAWYERS

Liên Hệ Với Chúng Tôi

info@gvlawyers.com.vn

Trụ sở chính – TP. HCM
Tầng 8, Tòa nhà Centec
72-74 Nguyễn Thị Minh
Khai
Phường 6, Quận 3
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +84 (28) 3622 3555

Chi nhánh Hà Nội
Tầng 10A, Tòa nhà CDC
25 Lê Đại Hành
Quận Hai Bà Trưng
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 (24) 3208 3555

Chi nhánh Đà Nẵng
Tầng 3, Tòa nhà
Indochina
Riverside, 74 Bạch Đằng
Quận Hải Châu
Đà Nẵng, Việt Nam
Tel: +84 (28) 3622 3555

Nội dung của Bản tin này không phải là tư vấn pháp lý và cũng không thể hiện ý kiến của chúng tôi hoặc của bất cứ luật sư hay chuyên gia tư vấn nào của chúng tôi. Bản tin này cung cấp các thông tin chung và những thông tin này có thể không chính xác, đầy đủ hoặc cập nhật tại thời điểm được đọc. Nội dung này cũng không nhằm sử dụng như phần hỗ trợ thêm cho các ý kiến tư vấn và quan điểm pháp lý của chúng tôi. Vui lòng tìm kiếm các ý kiến tư vấn pháp lý hoặc tư vấn chuyên nghiệp khác phù hợp với những vấn đề mà bạn gặp phải. Chúng tôi, GV Lawyers, tuyên bố rõ ràng là sẽ không chịu trách nhiệm về những hành động hoặc không hành động dựa trên bất kỳ hoặc toàn bộ nội dung của Bản tin này.